

# HỌC LIỆU MỞ VÀ VAI TRÒ CỦA HỌC LIỆU MỞ TRONG ĐÀO TẠO NGÀNH HỌC THÔNG TIN-THƯ VIỆN TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM<sup>(1)</sup>

Trương Minh Hòa

Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright

**Tóm tắt:** Điểm lại quá trình hình thành và phát triển của sáng kiến Học liệu mở (Open Courseware, thường viết tắt là OCW). Phân tích thực trạng của OCW ở các trường đại học Việt Nam và vai trò của OCW trong đào tạo ngành thông tin-thư viện. Đề xuất một số gợi ý chính sách cho việc xây dựng mô hình OCW trong đào tạo ngành này tại các trường đại học ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Học liệu mở; mô hình; thông tin-thư viện.

**Open Courseware and its role in information – library courses at universities in Vietnam**

**Abstract:** The article introduces the history and development of the Open Courseware initiative (OCW in short). Analyzing the current state of OCW in general and its role in information – library courses at universities in Vietnam

**Keywords:** Open Courseware; model; information - library.

## 1. Sơ lược về Sáng kiến Học liệu mở

### 1.1. Sáng kiến Học liệu mở của Viện Công nghệ Massachusetts

Năm 1999, Viện Công nghệ Massachusetts (Massachusetts Institute of Technology - MIT) bắt đầu xem xét phương thức sử dụng nguồn lực Internet trong việc thực hiện sứ mạng giáo dục và nâng cao tri thức cho sinh viên. Đến năm 2000, dự án Học liệu mở được đề xuất và khái niệm “Học liệu mở” (Open Courseware Initiatives) chính thức được khai sinh. Năm 2002, MIT đã cho ra đời một website chạy thử nghiệm đầu tiên gồm có 50 môn học. Đến năm 2007, MIT đã xuất bản lên OCW toàn bộ chương trình đào tạo của

hơn 1.800 môn học ở 33 chuyên ngành. Theo thống kê, đến tháng 1/2016, MIT đã xuất bản 2.260 môn học, thu hút trên 1 tỷ lượt người xem, 175 triệu lượt người truy cập khắp thế giới, 100 môn học dưới dạng Video, 900 môn học cũ đã được cập nhật mới, và xây dựng thêm hai OCW khác là: OCW dành cho Học giả (OCW Scholar) và OCW dành cho Nhà giáo dục (OCW Educator) [7, 2016].

Từ năm 2004-2006, dưới sự hỗ trợ của MIT, một số trường đại học đứng đầu Hoa Kỳ cũng xây dựng nhiều dự án OCW cho riêng mình, như: Đại học Johns Hopkins, Đại học Tufts, Đại học Notre, Đại học bang Utah, và đặc biệt là OCW của Hiệp hội các Trường Kỹ thuật Paris (ParisTech

<sup>(1)</sup>Bài báo được hoàn thiện trên cơ sở tham luận của tác giả “Bàn về học liệu mở và vai trò của học liệu mở trong đào tạo ngành khoa học thông tin-thư viện tại các trường đại học ở Việt Nam” tại hội thảo quốc tế “Xây dựng nền tảng học liệu mở cho giáo dục đại học Việt Nam”/Kỷ yếu Hội thảo.- Hà Nội, 2014.- Tr.244-273.

Consortium) với hơn 295 môn học đã được xuất bản [1, 2009, tr. 27]. Sự bùng nổ của trào lưu xây dựng OCW khắp thế giới trong thời gian này đã lan sang các nước

khác, như: Việt Nam, Tây Ban Nha, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ả Rập, Pháp,... và đó là tiền đề cho sự ra đời Hiệp hội Học liệu mở Quốc tế.



Hình 1. Trang chủ của MIT OCW.  
(Nguồn: <http://ocw.mit.edu/index.htm>.)

### 1.2. Học liệu mở của Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright

Dựa trên kinh nghiệm về Sáng kiến Học liệu mở của Viện MIT, dự án Học liệu mở của Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright (Fulbright Economics Teaching Program- FETP) đã khởi động từ cuối năm 2002 với mục tiêu chia sẻ kiến thức với mọi người thông qua nguồn tư liệu giảng dạy và nghiên cứu chính sách của trường. Bất kỳ ai có kết nối Internet cũng có thể tải tài liệu về để phục vụ cho mục đích học tập và nghiên cứu của mình. Đến tháng 12/2015, FETP đã đưa lên FETP OCW hơn 15.212 tài liệu của toàn bộ 21 môn học, bao gồm: đề cương môn học, bài giảng, bài đọc, bài nghiên cứu tình huống, bài tập và các tài liệu đọc chọn lọc khác bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt. Tất cả các tài liệu giảng dạy này đều được biên tập theo chuẩn giấy phép

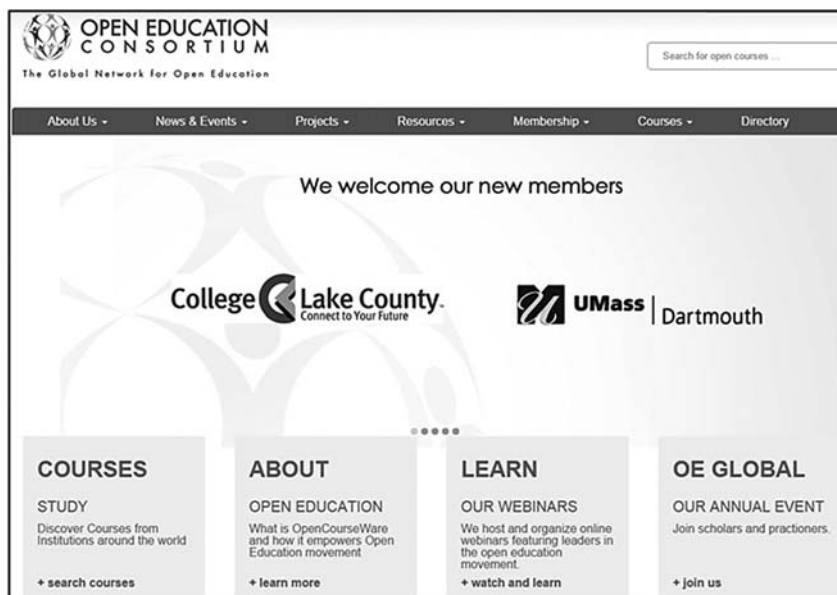
Creative Commons, qua đó người dùng có thể điều chỉnh những tài liệu này theo mục đích sử dụng của mình [3, 2015, tr. 37].

### 1.3. Hiệp hội Học liệu mở

Tháng 02/2005, Hiệp hội Học liệu mở (Open Courseware Consortium- OCWC) được thành lập (hiện nay được đổi tên thành Hiệp hội Giáo dục mở- OEC). Hiệp hội đã xác định nội dung, công cụ, cách thức tổ chức, triển khai và hoạt động cũng như các tổ chức sao cho hiệu quả nhất. Một trong những kết quả nổi bật mà Hiệp hội đã đạt được và xem như nền tảng cơ sở cho sự hợp tác đó là đưa ra định nghĩa chung về OCW. Định nghĩa này bắt buộc Hiệp hội phải cam kết thực hiện ba nguyên tắc cơ bản, đó là: *Cam kết mở rộng việc cấp phép tài liệu; Tập trung vào chất lượng và không khổ các môn học như là một nguyên tắc tổ chức hoạt động chia sẻ.* Cuối tháng 09/2005, Hiệp hội đã

hợp tại thành phố Logan, bang Utah và đưa ra tuyên bố rõ ràng về sứ mạng của Hiệp hội là “nâng cao giáo dục và trao quyền cho mọi người trên khắp thế giới thông qua OCW” [1, 2009, tr. 23-29]. Sự ra đời của OCWC giúp cho các trường đại học đang

có kế hoạch xây dựng OCW dễ dàng nhận được sự hỗ trợ về mặt pháp lý, kỹ thuật, nội dung bộ sưu tập, cũng như sự chia sẻ không giới hạn về các nguồn tài nguyên số khổng lồ đang có trong cộng đồng các thành viên của Hiệp hội.



**Hình 2.** Trang chủ hiện nay của Hiệp hội Học liệu mở Quốc tế  
(Nguồn: <http://www.oecconsortium.org/>)

## 2. Các khái niệm về Học liệu mở

Đã hơn một thập kỷ qua kể từ khi thuật ngữ “Học liệu mở” ra đời thông qua Sáng kiến Học liệu mở đầu tiên trên thế giới của Viện MIT, OCW đã đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện sứ mạng giáo dục và nâng cao tri thức cho sinh viên. Cùng với sự phát triển của công nghệ thông tin và truyền thông đa phương tiện, OCW đã có tác động to lớn đến giáo dục đại học, mở ra cách tiếp cận mới đến các nguồn tài nguyên giáo dục có chất lượng cao và hoàn toàn miễn phí. Hiện nay trên thế giới hình thành hai xu hướng tiếp cận khác nhau đến khái niệm OCW (hay còn gọi là Tài nguyên Giáo dục mở (Open Educational Resources-OER)). Xu hướng thứ nhất, tiếp

cận OCW một cách tổng thể từ nội dung, công cụ thiết lập, phần mềm đến nền tảng công nghệ, và xu hướng thứ hai, tiếp cận chủ yếu vào hoạt động phát triển nội dung của OCW.

MIT đã định nghĩa OCW “là sự xuất bản dựa trên nền web toàn bộ nội dung các môn học của MIT ở quy mô lớn nhằm tạo ra một phương thức tiếp cận mới trong việc chia sẻ nguồn tri thức mở” [7, 2016].

Trong Diễn đàn Toàn cầu lần thứ nhất về OER năm 2002, UNESCO đã đưa ra một định nghĩa như sau: “là bất kỳ loại tài liệu giáo dục nào nằm trong tên miền công cộng hoặc được đưa ra sử dụng kèm theo một giấy phép mở, bất cứ ai cũng có thể sao chép, sử dụng, chỉnh sửa, và chia sẻ chúng

*một cách tự do và hợp pháp. OCW gồm các tài liệu từ sách giáo trình, chương trình đào tạo, đề cương môn học, ghi chú bài giảng, bài tập, bài thi, dự án, âm thanh, hình ảnh, và phim hoạt hình” [13, 2016].*

Theo Hiệp hội Học liệu mở: “*Một OCW là một ấn phẩm số, công khai và miễn phí bao gồm các tài liệu giáo dục có chất lượng cao và được tổ chức dưới dạng các môn học” [9, 2016].*

Theo Bộ Giáo dục Hoa Kỳ (Office of Educational Technology - OET): “*OCW là toàn bộ các tài liệu học tập dùng cho giảng dạy, học tập, và đánh giá mà không phải trả phí. Chúng có thể được sửa đổi và phân phối lại mà không vi phạm luật bản quyền” [11, 2016].*

Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (Organization for Economic Co-operation and Development - OECD) cho rằng tài nguyên giáo dục mở: “*là các tài liệu được số hóa được cung cấp tự do và công khai dành cho các nhà giáo dục, sinh viên, và những người tự học để sử dụng và tái sử dụng cho giảng dạy, học tập và nghiên cứu” [10, 2016].*

Có thể thấy, việc sử dụng tên gọi nào: OCW hay OER, cũng khái quát thành ba nội dung chính: *Nội dung học tập*, gồm có môn học toàn phần, chương trình giảng dạy, nội dung từng phần, mục tiêu học tập, bộ sưu tập hay nguồn tạp chí; *Công cụ*, gồm có phần mềm hỗ trợ phát triển, sử dụng, tái sử dụng, phân phối nội dung học tập bao gồm tổ chức và tìm kiếm nội dung, hệ thống quản trị nội dung và học tập, các công cụ phát triển nội dung, và các cộng đồng học tập trực tuyến; và *Các nguồn lực triển khai*, gồm có giấy phép về sở hữu trí tuệ để đẩy mạnh hoạt động xuất bản tài liệu mở, thiết kế các nguyên lý hoạt động tốt nhất, và bản địa hóa nội dung [10, 2016].

**3. Thực trạng của học liệu mở tại các trường đại học Việt Nam và vai trò của học liệu mở trong đào tạo ngành thông tin-thư viện tại các trường đại học ở Việt Nam**

**3.1. Thực trạng của học liệu mở tại các trường đại học ở Việt Nam**

**3.1.1. Học liệu mở của Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright**

Thành lập từ năm 1994, Trường Fulbright là kết quả hợp tác giữa Trường Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh và Trường Đại học Harvard Kennedy. Đây là một tổ chức giáo dục của Việt Nam với sự tham gia của các đối tác quốc tế. Sứ mệnh của Trường Fulbright là hình thành, truyền thụ và phổ biến kiến thức. Tất cả tài liệu sử dụng trong chương trình giảng dạy được cung cấp cho sinh viên và giảng viên trên cả nước và thế giới thông qua Sáng kiến Học Liệu Mở FETP hay FETP Open Courseware [3, 2015, tr. 37].

Cho đến nay, FETP đã đưa lên OCW hơn 15.000 tài liệu của 21 môn học thuộc chương trình đào tạo thạc sĩ 02 năm về Chính sách công bao gồm: đề cương môn học, bài giảng, bài đọc, bài nghiên cứu tình huống, bài tập và các tài liệu đọc chọn lọc khác, với khoảng 80% tài liệu được dịch hoặc biên soạn bằng tiếng Việt. FETP OCW không phải là một dự án đào tạo từ xa, mà là một nguồn tư liệu cho những ai đang học tập và làm việc trong các lĩnh vực liên quan đến chính sách, giúp họ cập nhật và nâng cao kiến thức về các vấn đề chính sách của Việt Nam, khám phá những cách tiếp cận mới trong quá trình học tập và xây dựng giáo trình. Thông qua FETP OCW, mọi người khắp thế giới đều có khả năng truy cập vào các tài liệu này (trừ những

**FULBRIGHT**  
Economics Teaching Program

Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright

ENGLISH

Facebook YouTube Webmail Thư viện Liên hệ

Tim kiếm

Giới thiệu | Đào tạo | Nghiên cứu | Tin tức & sự kiện | Học liệu mở FETP

**HỌC LIỆU MỞ FETP** Trang chủ > Học liệu mở FETP > Môn học được xem nhiều nhất

Tất cả các môn học

Môn học được xem nhiều nhất

Môn học mới

Xem theo năm học

MPP8

MPP7

MPP6

MPP5

MPP4

MPP3

Mã	Tên môn học	Học kỳ
MPP-531	Phân tích tài chính	Học kỳ Xuân 2012
MPP-531	Phân tích tài chính	Học kỳ Xuân 2013
MPP-523	Kinh tế lượng ứng dụng	Học kỳ Xuân 2013
MPP-521	Các phương pháp định lượng	Học kỳ Thu 2012
MPP-531	Phân tích tài chính	Học kỳ Xuân 2014
MPP-512	Kinh tế học vĩ mô: Lý thuyết và ứng dụng chính sách	Học kỳ Thu 2012
MPP-521	Phương pháp nghiên cứu II: Kinh tế lượng ứng dụng	Học kỳ Xuân 2012
MPP-531	Phân tích tài chính	Học kỳ Xuân 2011
MPP-511	Kinh tế học vi mô dành cho chính sách công	Học kỳ Thu 2012

**Hình 3.** Học liệu mở của FETP

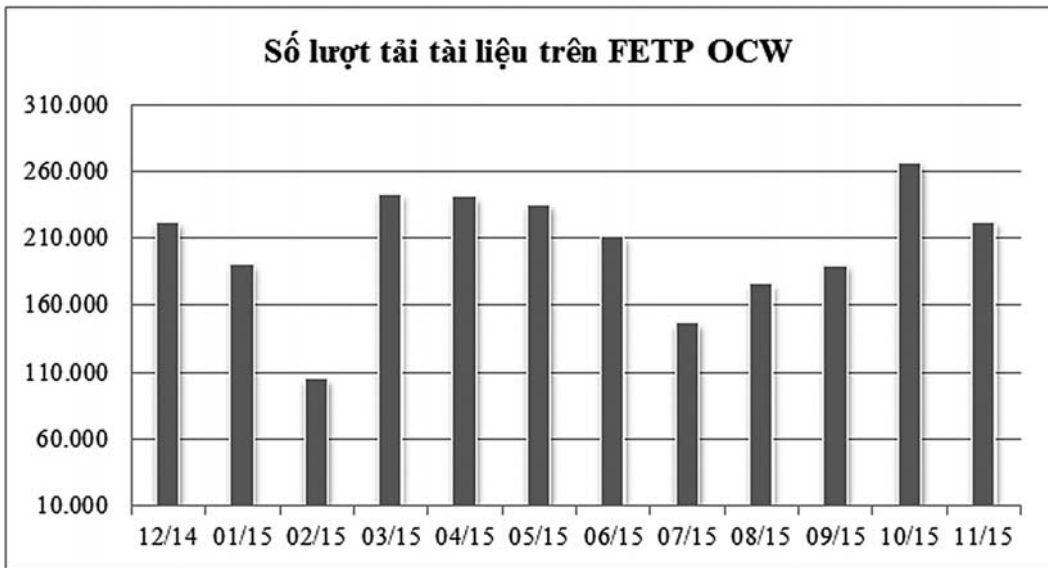
(Nguồn: <http://www.fetp.edu.vn/vn/hoc-lieu-mo-fetp/mon-hoc-duoc-xem-nhieu-nhat/>)

tài liệu bị ràng buộc bởi Luật bản quyền). Các giảng viên được khuyến khích sử dụng những tài liệu này để xây dựng giáo trình cho môn học, thông qua đó, làm định hướng cho hoạt động học tập và nghiên cứu độc lập.

Lợi ích của FETP OCW mang tính hai chiều. Các phản hồi của người dùng sẽ góp phần cải thiện nội dung đào tạo, cách thức hoạt động cũng như xu hướng phát triển ngày càng đa dạng của FETP OCW. Thêm vào đó, FETP OCW còn là một phương tiện đóng góp có hiệu quả và trên tinh thần xây dựng vào hoạt động thảo luận các vấn đề chính sách công ở Việt Nam một cách tự do, cởi mở [3, 2015, tr. 37]. Tài liệu có trên FETP OCW luôn luôn được cập nhật thường xuyên không chỉ ở trong nước mà còn ở ngoài nước, đặc biệt là các nghiên cứu tình huống (case study) của những môn học mới mà trường Fulbright đang thiết kế lại cho phù hợp để áp dụng vào bối cảnh thực tiễn ở Việt Nam. Theo thống kê, bình quân mỗi tháng có trên

170.000 lượt người từ hơn 150 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới tải tài liệu từ FETP OCW về sử dụng. Có những giai đoạn con số này tăng lên đến hơn 260.000 lượt tải/tháng và thường rơi vào những khoảng thời gian giữa kỳ và cuối học kỳ của môn học (Hình 4). Các tài liệu giảng dạy chủ yếu được soạn trên định dạng file PDF, cho phép tải xuống trực tiếp, không cần phải đăng ký thành viên.

FETP OCW hoạt động dựa trên nền tảng công nghệ Web của Google, giúp cho hệ thống chạy nhanh, ổn định cho nên việc truy xuất, tải tài liệu trên OCW về máy tính cá nhân rất dễ dàng. Cách sắp xếp tài liệu trên OCW cũng rất khoa học, tài liệu được xếp theo từng năm học, từng học kỳ và chi tiết đến từng môn học, vì vậy rất dễ dàng tìm kiếm. Giảng viên/người sử dụng chỉ cần lựa chọn năm học và môn học mà mình muốn tải xuống, sau đó chọn dạng tài liệu là đề cương môn học, bài giảng, bài đọc, bài tập,... phù hợp với nhu cầu của mình và tải về. Đội ngũ cán bộ TT-TV phụ



Hình 4. Số lượt tải tài liệu trên FETP OCW.

trách phần đưa tài liệu lên mạng cũng phải nắm vững quy trình gồm sáu bước này (Hình 5), và là khâu quan trọng cuối cùng trong quy trình xuất bản tài liệu lên OCW.

Trong quy trình này, Giảng viên là người sẽ lựa chọn tài liệu mới cần đưa vào nội dung bài giảng môn học, sau đó chuyển qua cho bộ phận Thư viện (1) để liên hệ nhà xuất bản xin bản quyền dịch tài liệu ra tiếng Việt, sau khi đã có được bản quyền chuyển ngữ, tài liệu sẽ được chuyển đến bộ phận Dịch thuật (2) để dịch tài liệu, sau khi dịch, tài liệu được chuyển ngược lại cho Giảng viên (3) để hiệu đính, chỉnh sửa và định dạng lại tài liệu theo khổ mẫu quy định của FETP và chuẩn giấy phép Creative Commons, tài liệu được chuyển đến bộ phận Giáo vụ (4) để sao, in và phát cho học viên. Tại bước (5) bộ phận Thư viện sẽ nhận tài liệu từ bộ phận Giáo vụ và tiến hành xuất bản lên FETP OCW (6).

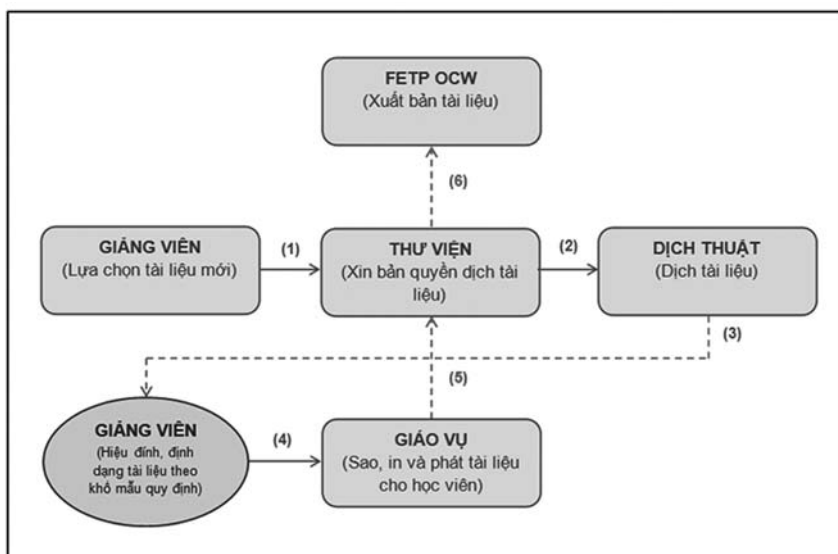
Trong định hướng phát triển của Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright, năm 2016 sẽ là cột mốc quan trọng, đánh dấu sự ra đời của Trường Đại học Fulbright Việt

Nam (Fulbright University Vietnam - FUV) và trở thành trường đại học tư thục không vì lợi nhuận đầu tiên của Việt Nam, trên cơ sở phát huy nguồn nhân lực và tri thức của FETP. Do đó, việc phát triển FUV OCW cũng trở thành định hướng chiến lược nằm trong tầm nhìn chiến lược phát triển chung, dài hạn của hệ sinh thái trường Đại học FUV.

### 3.1.2. Chương trình Học liệu mở Việt Nam

Tháng 11/2005, Chương trình Học liệu mở Việt Nam (Vietnam Open Courseware - VOCW) ra đời. Đây là kết quả của sự hợp tác giữa Bộ Giáo dục - Đào tạo, Quỹ Giáo dục Việt Nam - Hoa Kỳ (VEF) và Công ty Phần mềm và Truyền thông - VASC (VASC) với sự hỗ trợ về nội dung môn học từ dự án MIT OCW, các công cụ phần mềm Connexions từ trường đại học Rice, cũng như các hỗ trợ khác về mặt pháp lý, cơ cấu tổ chức, phương thức hoạt động... từ Hiệp hội Học liệu mở Quốc tế (OCW Consortium). VOCW đã đặt ra mục tiêu là:

- “Cung cấp cơ sở hạ tầng vững chắc và các công cụ cần thiết cũng như các hỗ trợ



Hình 5. Quy trình xuất bản tài liệu lên FETP OCW

về kỹ thuật và tập huấn để phát triển nguồn học OCW tại Việt Nam;

- Xây dựng nội dung môn học chất lượng cao dựa trên nguồn OCW có sẵn từ các trường đại học hàng đầu trên thế giới;
- Cung cấp cho cộng đồng người sử dụng OCW các môn học có nội dung phù hợp với bối cảnh và văn hóa Việt Nam;
- Cung cấp các phương tiện mới hỗ trợ việc xây dựng các tài liệu môn học mẫu trong các ngành khoa học và công nghệ;
- Xây dựng cộng đồng người sử dụng OCW, khuyến khích các thành viên đóng góp và chia sẻ kiến thức;
- Thiết lập quan hệ với các dự án học liệu mở quốc tế” [5, 2015, tr. 1].

Đến năm 2008, VOCW đã có 208 môn học được đưa lên website. Một nửa số môn học này là do các thầy, cô giáo thuộc các trường thành viên của VOCW chủ động đưa lên, nửa còn lại có được thông qua các hoạt động tài trợ và chuyển đổi các kho giáo trình đã có, trong đó có 24 môn học mẫu do

VEF tài trợ thuộc ba ngành học là Kỹ thuật Điện - Điện tử, Mạch điện tử, Khoa học Máy tính Công nghệ Sinh học. Về cơ sở hạ tầng, mô hình hệ thống của VOCW, hiện có ba trung tâm dữ liệu của dự án đặt tại Hà Nội, Đà Nẵng và Tp. Hồ Chí Minh và 20 trường đại học khắp cả nước tham gia vào dự án (Bảng 1). Trong số đó, 14 trường thành viên có máy chủ do VEF tài trợ đã đi vào hoạt động và sáu trường đã có sẵn máy chủ, giúp cho giảng viên và sinh viên của các trường này có thể tiếp cận ngay đến các nguồn tài nguyên được xuất bản trên VOCW [9, 2016, tr. 5]. Bên cạnh đó, các hoạt động về hợp tác huấn luyện sử dụng phần mềm Connexions cũng được triển khai để kịp thời hỗ trợ cho việc xuất bản tài liệu các môn học lên VOCW. Ngoài ra, VEF còn giúp các thành viên chuyển ngữ giấy phép xuất bản Creative Commons (Creative Commons- CC License) sang tiếng Việt để các tác giả Việt Nam có thêm công cụ và khuôn khổ pháp lý cần thiết cho việc chia sẻ nội dung, bảo đảm được quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả không bị xâm phạm.

**Bảng 1.** Các trường đại học là thành viên của VOCW (Nguồn: [8, 2016, tr. 5])

STT	Tên trường (có máy chủ do VEF tài trợ)
1	Đại học Bách Khoa Hà Nội
2	Đại học Khoa Học Tự Nhiên – ĐH Quốc Gia Hà Nội
3	Đại học Công Nghệ – ĐH Quốc Gia Hà Nội
4	Đại học Sư Phạm Hà Nội
5	Đại học Nông Nghiệp 1
6	Đại học Thái Nguyên
7	Đại học Huế
8	Đại học Đà Nẵng
9	Đại học Tây Nguyên
10	Đại học Khoa Học Tự Nhiên – ĐH Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh
11	Đại học Sư Phạm TP. Hồ Chí Minh
12	Đại học Bách Khoa – ĐH Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh
13	Đại học Cần Thơ
14	Đại học Trà Vinh
STT	Tên trường (có máy chủ sẵn có)
15	Đại học Tiền Giang
16	Đại học Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh – Thư viện Trung Tâm
17	Viện Công nghệ Thông Tin – Đại học Quốc Gia Hà Nội
18	Đại học Hà Nội
19	Đại học Sư Phạm Kỹ Thuật TP. Hồ Chí Minh
20	Đại học Hồng Bàng

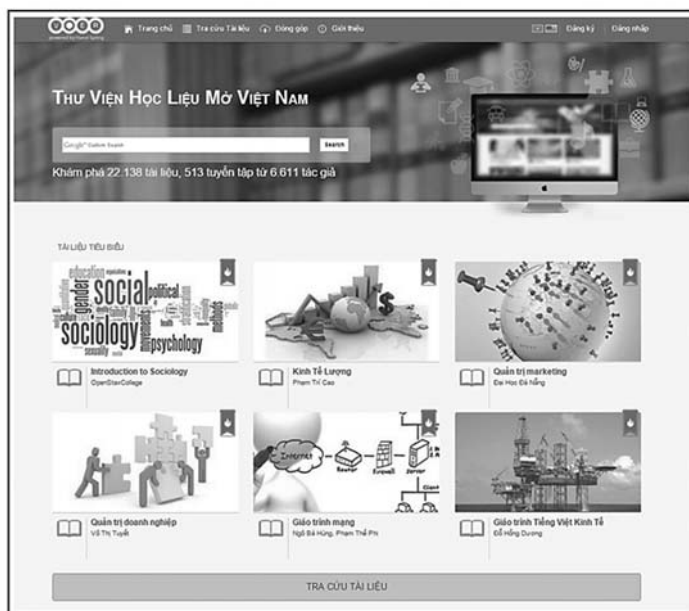
### 3.1.3. Thư viện Học liệu mở Việt Nam

Thư viện Học liệu Mở Việt Nam (Vietnam Open Educational Resources - VOER) được thành lập và hỗ trợ hoạt động bởi Quỹ Việt Nam (the Vietnam Foundation), có mục tiêu xây dựng kho Tài nguyên giáo dục Mở của người Việt và cho người Việt, có nội dung phong phú, có thể sử dụng, tái sử dụng và truy nhập miễn phí trước hết trong môi trường giảng dạy, học tập và nghiên cứu sau đó cho toàn xã hội.

VOER xuất bản và chia sẻ nội dung các môn học lên Internet thông qua phần mềm nền tảng tích hợp Hanoi Spring. Nội dung của VOER cũng được lưu trữ dưới hai định dạng: *Module* (chủ đề tài liệu) và *Collection* (tập hợp các module/chủ đề tài liệu). Cách tổ chức nội dung theo Module và Collection làm cho việc chia sẻ, sử dụng và tái sử dụng nội dung khá linh hoạt và dễ dàng. Bất kỳ tác giả nào khi đăng ký một tài khoản trên hệ thống đều có thể xuất bản được nội dung của

mình lên VOER [12, 2016]. Cách vận hành của VOER là cho phép các tác giả/người dùng sử dụng công cụ soạn thảo module để xuất bản các module này lên kho dữ liệu chung. Khi cần xây dựng, hoặc biên soạn giáo trình cho môn học, các giảng viên chỉ cần lựa chọn bộ khung giáo trình trước và sau đó tìm các module thích hợp, có sẵn trong kho dữ liệu chung để ghép vào và tạo ra các collection của môn học. Một module có thể được sử dụng trong nhiều collection khác nhau, và một tác giả có thể sử dụng module của tác giả khác để tạo ra collection của riêng mình. Phần mềm này còn cho phép sử dụng bản sao một module của tác giả khác và tiến hành hiệu chỉnh để phù hợp với yêu cầu của cá nhân giảng viên/người dùng. Tuy vậy, hệ thống đảm bảo tác giả gốc vẫn giữ quyền tác giả đối với các module mới đã được chỉnh sửa [12, 2016].

Đến tháng 1/2016, VOER đã xuất bản hơn 22.138 tài liệu, 513 tuyển tập của 6.681 tác giả trong nước và quốc tế [12, 2016]....



**Hình 6.** Website Thư viện Học liệu mở Việt Nam.  
(Nguồn: <http://voer.edu.vn/>)

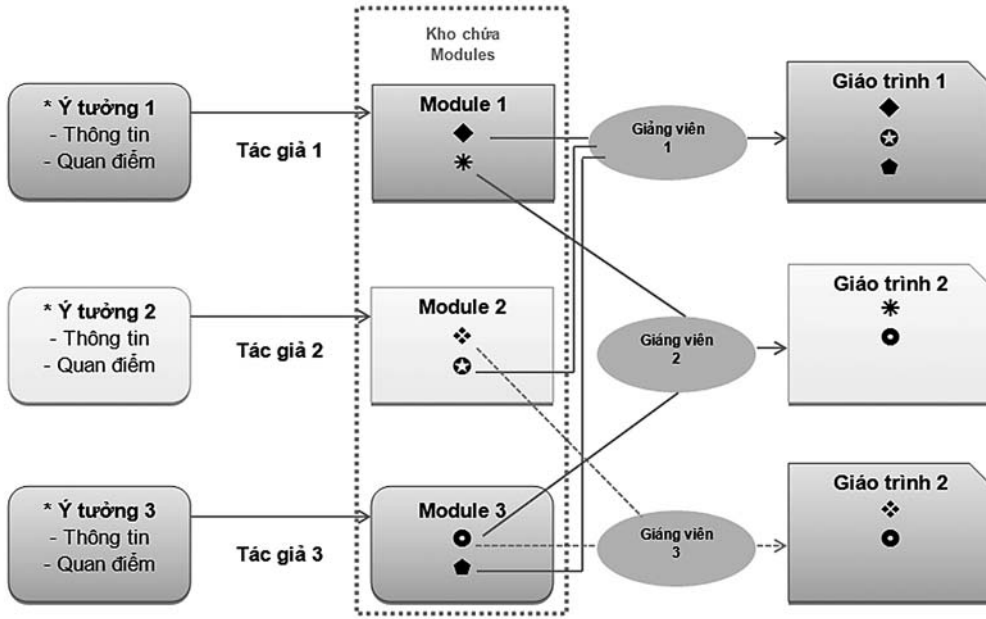
Trong thời gian tới, nguồn tài liệu có trên VOER sẽ luôn được cập nhật, trong đó có nhiều lĩnh vực mới và ngày càng có chất lượng tốt hơn, thu hút được nhiều người sử dụng hơn.

### 3.2. Vai trò của OCW trong đào tạo ngành khoa học thông tin-thư viện tại các trường đại học ở Việt Nam

Hơn 10 năm qua, OCW từ chỗ chỉ là “một cuộc cách mạng trong ý tưởng” đã có tác động to lớn tới giáo dục đại học và trở thành xu hướng của thế giới. OCW ngày càng giữ vai trò quan trọng trong môi trường giáo dục số đang ngày càng thay đổi, đặc biệt là ở các trường đại học hàng đầu thế giới. Những ưu điểm không cần bàn cãi của OCW là phá bỏ bức tường về khoảng cách giáo dục truyền thống, mở ra cách tiếp cận mới đến các nguồn giáo dục mở cho tất cả mọi người. Tuy vậy, hầu hết các trường đại học ở Việt Nam nói chung và các trường đại học có đào tạo chuyên ngành TT-TV nói riêng dường như đã

chậm trễ trong việc nắm bắt xu thế này. Xét đến tầm quan trọng của việc xây dựng OCW trong chương trình đào tạo chuyên ngành này là vô cùng to lớn, thể hiện ở những điểm sau:

**Thứ nhất**, về mặt lý thuyết, ngành TT-TV phải là một trong những ngành tiên phong trong nghiên cứu để tìm ra những giải pháp công nghệ mới và ứng dụng vào hoạt động thực tiễn, cũng như các chương trình giảng dạy và đào tạo. Bên cạnh thư viện điện tử, thư viện số, với nguồn tài nguyên số khổng lồ đang làm thay đổi cơ bản về cách thức lưu trữ, truy xuất thông tin, phục vụ người đọc, đáp ứng tối đa cho nhu cầu ngày càng tăng lên của người sử dụng. Thông qua OCW, người học có thể chủ động tiếp cận không giới hạn tới nguồn tài nguyên giáo dục có chất lượng cao và hoàn toàn miễn phí ít nhất là ở lĩnh vực họ đang học tập, nghiên cứu và trao cho họ, đặc biệt là những người nghèo, quyền được tiếp cận đến các chương trình giáo dục có chất lượng, từ đó



Hình 7. Sơ đồ xây dựng nội dung của VOER

giúp họ cải thiện tư duy nghề nghiệp, trình độ và kỹ năng chuyên môn phục vụ trực tiếp cho công việc của bản thân cũng như cho cộng đồng. Nếu theo phương pháp giảng dạy truyền thống, người học có thể phải tốn khá nhiều thời gian và chi phí để học tập tại một trường đại học danh tiếng trên thế giới thì ngày nay và trong tương lai, họ có thể cắt giảm và thậm chí là không cần phải đóng bất kỳ một khoản chi phí nào [2, 2008, tr. 9-10].

**Thứ hai**, các trường đại học khi xây dựng được OCW sẽ tạo ra một mô hình giáo dục số tương tác với các tổ chức giáo dục khác để tăng tính cạnh tranh và giúp nâng cao chất lượng giáo dục. Bên cạnh đó, với tiện ích và chức năng gần như phi lợi nhuận, OCW giúp định vị lại nhu cầu truy cập đến các nội dung giáo dục ngày càng mở rộng, cũng như các lợi ích trong hợp tác giữa các trường đại học trên phạm vi trong nước, trong khu vực và toàn cầu [1, 2009, tr. 25]. Nếu trước đây,

các trường đại học thường tốn rất nhiều nguồn lực để biên soạn chương trình cho một môn học mới thì hiện nay với những nền tảng công nghệ hiện đại mà thế giới đang có cộng với những ưu điểm nổi bật của OCW thì các chi phí này đã được cắt giảm đáng kể nếu không muốn nói là bằng 0. Các chi phí được cắt giảm này sẽ được sử dụng vào các mục đích khác như tạo ra thêm nhiều nguồn tài liệu mới, đa dạng hóa các điểm truy cập, và tạo ra nhiều sự lựa chọn cho người học khi tìm kiếm các khóa học phù hợp [2, 2008, tr. 9-10].

**Thứ ba**, OCW cũng đóng vai trò then chốt trong việc quảng bá hình ảnh của các trường đại học, tạo ra lợi thế cạnh tranh cho các trường đại học bằng việc thu hút và gia tăng số lượng sinh viên đăng ký theo học tại các trường này. Theo khảo sát của MIT OCW, có khoảng 1/3 số lượng sinh viên mới cho rằng OCW đã tác động đáng kể đến việc đưa ra quyết định lựa chọn trường học của họ và khoảng 1/2 cựu sinh

viên đã từng sử dụng OCW như là một phương tiện hỗ trợ trong suốt thời gian học tập của mình [14, 2011, tr. 62].

**Thứ tư**, OCW góp phần làm thay đổi nhận thức của cộng đồng trong việc kêu gọi tài trợ và ủng hộ gây quỹ. Mặc dù OCW mang ý nghĩa “hoàn toàn mở, hoàn toàn miễn phí”, tuy nhiên để tạo ra được một OCW và đưa lên Internet cũng cần có những nguồn lực đáng kể để đầu tư vào như: Công nghệ (cơ sở hạ tầng, phần cứng, phần mềm, công cụ kết nối, tiêu chuẩn...), Chi phí về bản quyền và cấp phép (chi phí mua bản quyền chuyển ngữ và cấp phép xuất bản các tài liệu lên OCW) và Chi phí lao động (chi phí chuyển dạng tài liệu sang dạng số, rà soát kỹ nội dung các tài liệu có bản quyền để thay thế hoặc loại bỏ) [6, 2009, tr. 25-26]. Các chi phí đầu tư này thường rất tốn kém, bản thân riêng một khoa TV-TT và thậm chí lấy từ ngân sách của một trường đại học cũng là một thách thức.

#### **4. Một số gợi ý chính sách cho xây dựng mô hình OCW trong đào tạo ngành thông tin-thư viện tại các trường đại học ở Việt Nam**

##### **4.1. Đối với nhà nước**

Những lợi ích to lớn từ mô hình OCW ở các trường đại học hàng đầu trên thế giới đã chỉ rõ những ưu điểm của nó mà ít có ai phủ nhận và hoàn toàn phù hợp với chủ trương “xã hội hóa giáo dục” và tiến trình cải cách giáo dục đại học của Đảng và Nhà nước ta. Tuy nhiên, chính sách cũng cần phải tập trung vào những vấn đề cụ thể hơn, mà trọng tâm chính là phát triển nguồn OCW cho toàn xã hội, đó cũng là nguồn vốn tri thức quan trọng để tạo được lợi thế cạnh tranh quốc gia của Việt Nam trong nền kinh tế tri thức. Để thực hiện

được mục tiêu này nhà nước cần:

**Thứ nhất**, tạo ra một khung khổ chính sách và pháp lý rõ ràng, cụ thể để khuyến khích xây dựng và phát triển các dự án về OCW của quốc gia. Khẳng định OCW là một trong những thành phần quan trọng nhất trong khung chương trình giảng dạy, nội dung đào tạo tại các trường đại học có đào ngành TT-TV ở Việt Nam. Đó cũng là căn cứ cho các trường đại học, các tổ chức giáo dục ở Việt Nam lập kế hoạch xây dựng OCW phù hợp với nguồn lực hiện có của từng trường.

**Thứ hai**, cần có những cơ chế ưu đãi, chính sách khuyến khích các trường đại học, các tổ chức giáo dục tích cực hỗ trợ và phối hợp với đội ngũ giảng viên ở các trường khác tham gia vào các dự án xây dựng và biên soạn nguồn tài nguyên OCW. Trong đó, hỗ trợ về nguồn tài chính là cực kỳ cần thiết để chi trả cho hoạt động biên soạn tài liệu số.

**Thứ ba**, cần có những sự hỗ trợ cụ thể trong các vấn đề liên quan đến pháp lý như Luật bản quyền, Luật sở hữu trí tuệ, đặc biệt trong bối cảnh mới Việt Nam đã tham gia vào Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (The Trans-Pacific Partnership- TPP) thì các cam kết và ràng buộc liên quan đến bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ, cũng như bản quyền tác giả trên Internet càng chặt chẽ, phức tạp. Nắm rõ được các điều khoản pháp lý này, nhà nước sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các trường đại học mạnh dạn xây dựng các dự án OCW.

**Thứ tư**, cần mạnh dạn thực hiện cơ chế trao quyền và trách nhiệm giải trình cho phép các trường đại học, các tổ chức giáo dục xây dựng chương trình đào tạo một cách đa dạng, linh hoạt, bài bản, phù

hợp với xu hướng mới hiện nay trên thế giới thông qua OCW. Tuy nhiên, nhà nước cũng cần phải xây dựng cơ chế giám sát đủ mạnh, quản lý chặt chẽ chất lượng đầu ra các loại hình đào tạo này để đảm bảo tính công bằng, minh bạch giữa các trường đại học và giữa các loại hình đào tạo.

**Thứ năm**, thường xuyên tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc gia có sự tham gia của cộng đồng quốc tế về xây dựng chính sách cho các dự án OCW để chia sẻ kinh nghiệm, cũng như cập nhật các xu hướng mới trong lĩnh vực này. Qua đó, làm cầu nối cho sự tham gia của đội ngũ giảng viên trong nước với các trường đại học hàng đầu thế giới.

**Thứ sáu**, với vai trò chủ đạo trong việc đưa ra chính sách, giám sát và quản lý trong mọi hoạt động giáo dục và đào tạo, hướng đến mục tiêu giáo dục cho tất cả mọi người, nhà nước cần có những tầm nhìn dài hạn, sẵn sàng đổi mới với những thách thức trong chuyển đổi từ vai trò kiểm soát sang vai trò giám sát để tạo môi trường tự chủ hơn trong giáo dục cho tất cả các trường đại học. Bên cạnh đó, nhà nước cần có những phương thức hữu hiệu trong kêu gọi mọi tầng lớp xã hội tham gia vào chủ trương “xã hội hóa giáo dục”, tạo ra một mắc xích liên kết chặt chẽ vai trò cùng quản lý, cùng giám sát, cùng thực thi giữa nhà nước với người dân.

#### **4.2. Đối với các trường Đại học và các Tổ chức giáo dục khác**

**Thứ nhất**, thay đổi tư duy định hướng trong việc xây dựng và phát triển các dự án OCW trở thành một trong những nguồn lực giáo dục mở quan trọng, bên cạnh các chương trình giảng dạy theo kiểu truyền thống, tạo mọi điều kiện tối đa cho người

học, giảng viên tiếp cận đến các chương trình giáo dục có chất lượng cao.

**Thứ hai**, đa dạng hóa các loại hình và chương trình đào tạo, bên cạnh đào tạo tập trung theo tín chỉ, hoặc đào tạo từ xa. Xác định rõ người học là trung tâm trong mục tiêu và sứ mạng của các chương trình đào tạo thông qua OCW. Cùng với đó, cần đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, hạ tầng công nghệ hoàn thiện, hiện đại phục vụ cho mục tiêu đào tạo, giảng dạy bằng OCW.

**Thứ ba**, đẩy mạnh hợp tác với các trường đại học trong cùng hệ thống để cùng chia sẻ nguồn lực thông tin số, cũng như đội ngũ giảng viên chịu trách nhiệm biên soạn giáo trình và chương trình giảng dạy. Các trường đại học có thể cân nhắc đến ý tưởng các giảng viên trong quá trình giảng dạy, bắt buộc phải biên soạn thêm nguồn tài liệu số dành riêng để xuất bản lên OCW, và xem đây như là một tiêu chí đánh giá chất lượng giảng dạy, cũng như độ trách nhiệm trong công việc.

**Thứ tư**, các trường cũng nên đặt mục tiêu cụ thể trong quá trình xây dựng nguồn tài nguyên số để đưa lên OCW. Đưa vào kế hoạch cụ thể bao nhiêu phần trăm tài liệu của khóa học sẽ được chuyển đổi thành dạng tài nguyên OCW. Mặc dù, với cách thức này sẽ không làm gia tăng nhanh chóng về số lượng nhưng tạo ra tính ổn định và duy trì trong suốt quá trình xây dựng, vận hành và phát triển của OCW.

**Thứ năm**, tổ chức một hội nghị, hội thảo quốc gia để cùng thảo luận về ý tưởng thành lập một Hiệp hội Học liệu mở Việt Nam (Vietnam OCW Consortium). Hiệp hội này có vai trò làm cầu nối liên kết các OCW ở các trường đại học Việt Nam; hỗ

trợ tư vấn chính sách, các vấn đề về pháp lý... trong xây dựng, vận hành các dự án OCW; mở rộng quan hệ hợp tác với quốc tế để tăng cường sự hiểu biết, chia sẻ kinh nghiệm, thúc đẩy sự phát triển của OCW trong nước, cập nhật các xu hướng mới trong công nghệ và trong lĩnh vực OCW.

Tóm lại, nhà nước và các trường đại học có đào tạo ngành TV-TT nói riêng và các ngành khác nói chung cần nhận thức được rằng, quyết định xây dựng OCW không phải mang tính phong trào mà nó xuất phát từ mệnh lệnh của tương lai, từ xu hướng giáo dục mới ở các quốc gia phát triển. Quyết định này tùy thuộc vào nhiều yếu tố nội tại của chính các trường đại học và tầm nhìn chiến lược dài hạn trong phát triển ngành giáo dục đào tạo của quốc gia. Tuy nhiên, xét trên bình diện tổng thể, lợi ích của toàn xã hội thì việc tạo ra các OCW sẽ góp phần làm nâng cao chất lượng giáo dục, và xa hơn là nâng cao năng lực cạnh tranh của quốc gia trong xu thế hội nhập toàn cầu.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Carson, Steve (2009). The unwallied garden: growth of the Open Courseware Consortium, 2001-2008. *Open Learning*. 24(1), 23 - 29.
2. Caswell, T., Henson, S., Jensen, M., and Wiley D. (2008). Open Educational Resources: Enabling universal education. *International Review of Research in Open and Distance Learning*. (9)1, 1-11.
3. Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright (FETP) (2015). Brochure 2015-2017. *FETP*, tr. 37.
4. Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright (FETP) (2016). Học liệu mở FETP. *FETP*. Được lấy về từ: <http://www.fetp.edu.vn/vn/hoc-lieu-mo-fetp/hoc-lieu-mo-fetp/>.
5. Chương trình Học liệu Mở Việt Nam (VOCW) (2016). Giới thiệu và Mục tiêu.

VOCW. 1 - 2.

6. Johansen, Justin K. (2009). The Impact of OpenCourseWare on Paid Enrollment in Distance Learning Courses. *Department of Instructional Psychology and Technology - Brigham Young University*. 25 - 26.
7. Massachusetts Institute of Technology (MIT) (2016). About. *MIT*. Được lấy về từ: <http://ocw.mit.edu/about/>.
8. Đỗ Ngọc Minh, Nguyễn Đức Long và Trần Việt Hùng (2016). Giới thiệu Chương trình Học liệu mở Việt Nam (VOCW): Các ứng dụng của VOCW có thể khai thác qua mạng VINAREN. *123doc.org*. Được lấy về từ: <http://123doc.org/document/132810-gioi-thieu-chuong-trinh-hoc-lieu-mo-viet-nam-vocw-cac-ung-dung-cua-vocw-co-the-khai-thac-qua-mang-vinaren.htm>.
9. Open Education Consortium (2016). Members. *OEC*. Được lấy về từ: <http://www.oecconsortium.org/members/>.
10. OECD (2016). What is OER. *OECD*. Được lấy về từ: <http://www.oecd.org/edu/oer>.
11. OET (2016). Openly Licensed Educational Resources. *OET*. Được lấy về từ: <http://tech.ed.gov/open-education/>.
12. Thư viện Học liệu mở Việt Nam (VOER) (2016). Học liệu mở và các khái niệm cơ bản. *VOER*. Được lấy về từ: <http://voer.edu.vn/m/hoc-lieu-mo-va-cac-khai-niem-co-ban/02fd0ea9>.
13. UNESCO (2016). *Open Educational Resources*. UNESCO. Được lấy về từ: <http://www.unesco.org/new/en/communication-and-information/access-to-knowledge/open-educational-resources/>
14. Walsh, T., Ithaka, S + R. (2011). Open Courseware Initiatives and the Challenges of Sustainability. *Educause Review*. July/August 2011, 62 - 63.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 10-3-2016; Ngày phản biện đánh giá: 12-4-2016; Ngày chấp nhận đăng: 6-5-2016).